

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 238/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01/11/2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Xuân Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Lê Văn Lâu

2) Ông Thân Văn Kỳ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 584/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 13, Ấp Chợ, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Quốc A, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 13, Ấp Chợ, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 25, tổ 12, ấp 1, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày: Anh và chị Trần Thị Quốc A do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào tháng 6/2003. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 13/4/2005 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T. Trong quá trình chung sống, do hai bên bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn, nơi ở nên thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Phía chị A có biểu hiện mê tín dị đoan, thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cuộc sống gia đình. Tháng 9/2017, mâu thuẫn giữa hai bên trở nên trầm

trọng, chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh T nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị A vẫn không đồng ý quay trở lại chung sống. Hiện vợ chồng đã ly thân, tình cảm không còn khả năng hàn gắn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Quốc A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thủy T, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Trần Mộc L, sinh ngày 03/11/2006. Hiện các con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Trần Thị Quốc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa anh Nguyễn Anh T và chị Trần Thị Quốc A là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị Quốc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt chị A.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa anh Nguyễn Anh T và chị Trần Thị Quốc A là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 13/4/2005 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T. Tuy nhiên, hiện tại cuộc sống hôn nhân của hai bên đã không còn hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Bản thân chị A từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử chị đã không đến dự theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn mà anh T đưa ra, điều này chứng tỏ chị không có thiện chí hàn gắn đối với cuộc hôn nhân này. Mặt khác, anh Nguyễn Anh T đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị A vào năm 2017. Tuy nhiên, tại Bản án phúc thẩm số 44/2017/HNGĐ-PT ngày 02/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn nhưng đến nay tình trạng mâu thuẫn của hai bên vẫn không khắc phục được. Tại phiên tòa hôm nay, anh T khẳng định không còn tình cảm với chị A, không mong muốn đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[4] Về con chung: Anh T khai trong thời gian chung sống, anh và chị A có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thủy T, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Trần Mộc L, sinh ngày 03/11/2006. Hiện các con đang sống cùng anh T. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong các bản tự khai trình bày nguyện vọng của các con chung thì hiện các cháu đang sống cùng anh T, cuộc sống ổn định, điều kiện sống tốt, các cháu có nguyện vọng được sống cùng cha. Ngoài ra, tại biên bản xác nhận ngày 27/9/2018 của chính quyền địa phương xã A, huyện C, tỉnh T về nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của hai bên thì anh T có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Đối với chị A, chính quyền địa phương không rõ cuộc sống hiện tại cũng như điều kiện kinh tế của chị. Bản thân chị A cũng không có văn bản thể hiện nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung, nghĩ nên tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Thủy T và Nguyễn Trần Mộc L cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nợ chung: không có.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh T.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Trần Thị Quốc A;

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Thủy T, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Trần Mộc L, sinh ngày 03/11/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu;

Chị A có quyền và nghĩa vụ tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09108 ngày 08/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Nguyên đơn anh Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Bị đơn chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Lê Trần Xuân Văn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Cái Bè, ngày 01 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 50 phút, ngày 01 tháng 11 năm 2018

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Xuân Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Lê Văn Lâu

2) Ông Thân Văn Kỳ

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 584/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: tổ 13, Ấp Chợ, xã Anh Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Quốc A, sinh năm: 1984

Địa chỉ: tổ 13, Ấp Chợ, xã Anh Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 25, tổ 12, ấp 1, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT
ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%)

Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh T.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Trần Thị Quốc A;

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Thủy T, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Trần Mộc L, sinh ngày 03/11/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu;

Chị A có nghĩa vụ và quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở quyền này. Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

5. Về án phí: anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09108 ngày 08/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

Nguyên đơn anh Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Bị đơn chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: thống nhất 3/3

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâu

Thân Văn Kỳ

Lê Trần Xuân Văn